

# CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

## QUYỂN 3 (PHẦN 3)

Hai là nói cảnh trí lia hợp. Trước giải thích đế trung. Trước chung, kể riêng. Trước chung là tựa các kinh, là các kinh luận đế lia hợp khác nhau. Nay lấy khác nhau y cứ chung bốn giáo. Ba tạng trở xuống tức riêng y cứ bốn giáo. Trong đó trước nói hai, ba lia hợp, trước nói chỉ có hai, không có ba. Kế Bồ-tát trở xuống là mượn người mà xếp đế. Văn trước là tục, từ hậu tâm trở xuống tức là chân. Cho nên trước sau chỉ có hai đế. Nói khiến mở phiền não tan, v.v... là Đại luận chép: Bồ-tát này tuy có năm dục hấp dẫn mà chẳng mê đắm, vì có các quán vô thường, v.v... Ví như có vua có một đại thần tự che giấu tội. Vua muốn phạt tội, bảo rằng: Nếu được con dê mập không có mỡ thì sẽ tha tội cho ông. Đại thần có trí cột một con dê nuôi bằng nước cỏ, ngày ngày ba thời dùng sỏi đe dọa cho sợ, dê được nuôi mập mà không có mỡ. Vua hỏi vì sao làm được như thế? Bèn đáp rõ việc trên. Bồ-tát cũng như thế, soi thấy vô thường không, khiến mỡ kết sử tan, mà thân công đức mập mập. Lại Bồ-tát, này chưa dứt kiết sử, như có giặc chưa giết, nhốt chặt một chỗ, tự tu sự nghiệp. Bồ-tát tu quán vô thường cũng như nhốt giặc cũng là hữu lậu mà tự làm việc. Lại lia năm việc: Một là lia đường ác, hai là lia nghèo cùng, ba là lia thân nữ, bốn là lia hình tàn, năm là hỷ vong. Mà được năm công đức: Một là sanh vào nhà giàu, hai là sanh lên cõi trời cõi người, ba là được thân nam, bốn là các căn đầy đủ, năm là biết rõ đời trước. Ba A-tăng-kỳ tu hành sáu độ. A-tăng-kỳ Hán dịch là Vô số, kiếp là thời, như trước đã giải thích. Câu-xá chép: Tám mươi Trung đại kiếp, Đại kiếp ba vô số, nghĩa là trong sáu mươi số thì số năm mươi hai gọi là A-tăng-kỳ, nghĩa là chứa đại kiếp này thành vô số, nên nói ba A-tăng-kỳ Hạnh sáu Độ, là Bồ-tát tu sáu độ này đều có lúc mãn. Trước nói đàn mãn, như Bồ-tát Thích-ca xưa làm vua tên Tỳ-thi được Đà-la-ni

qui mạng cứu hộ, nhìn chúng sanh như mẹ thương con. Lúc đó, Thiên đế biết mạng sắp hết, liền, tìm Phật hỏi nghi, tìm hoài không được, liền trở về cõi trời mà buồn rầu khổ não. Lúc đó, Thiên Xảo Sư tên là Tỳ-thủ Yết-ma hỏi Thiên chủ rằng: Vì sao khổ như thế? Đáp rằng: Ta tìm bậc Nhất thiết trí mà không được. Tỳ-thủ chép: Có Đại Bồ-tát đầy đủ sáu độ không bao lâu sẽ thành Phật. Thiên chủ nói kệ đáp rằng:

*Bồ-tát phát đại tâm,  
Hoa Ngự tử Am-la  
Ba việc nhân thì nhiều,  
Thành quả thì rất ít.*

Tỳ-thủ đáp rằng:

*Ưu-thi-na chủng  
Sáu độ đầy đủ,  
Không lâu thành Phật.*

Đế-thích hỏi: Phải đến thử Bồ-tát này mới được. Người làm bồ câu, ta làm chim ưng. Người sợ bay núp vào nách vua. Tỳ-thủ chép: Đại Bồ-tát ấy làm sao dám quấy nhiễu. Đế-thích chép: Ta cũng không có tâm ác, như vàng thật phải thử. Liền theo lời nói mà bay núp vào nách vua, toàn thân run rẩy. Mọi người đều nói vua ấy rất nhân từ tất cả phải cứu giúp, như thế chim bồ câu nhỏ trở về như vào nhà. Bồ-tát ấy không lâu sẽ thành Phật. Lúc đó chim ưng đậu gần đó bảo vua rằng: Trả bồ câu cho tôi. Vua nói: Ta được con bồ câu này trước người. Ta trước đây đã phát nguyện độ tất cả chúng sanh. Chim ưng nói muốn độ tất cả chúng sanh, còn tôi chẳng phải chúng sanh sao, mà lại cướp miếng ăn của tôi? Vua hỏi người ăn gì. Ta trước đó thệ nếu có chúng sanh đến ta sẽ cứu hộ. Chim ưng nói tôi cần thịt máu tươi. Vua nói: đều do giết hại mà được, làm sao giết một mà cho một, suy nghĩ tâm định mà nói kệ rằng:

*Thân thịt của ta đây,  
Thường bị già bệnh chết,  
Chẳng lâu sẽ thối rã,  
Nó cần ta cho tặng,  
Cầm dao tự cắt đùi,  
Lấy thịt trao chim ưng.*

Chim ưng nói: Theo đạo lý phải cân đúng nặng nhẹ, chớ nên coi thường. Vua nói lấy cân đến cân. Liền đem cân nhưng chim câu càng nặng mà thịt vua càng nhẹ, cho đến hết thân mình. Các quan và thân thích đến xem, liền bảo vua như thế không thể xem. Vua nói cứ mặc

tình xem. Nếu có thành Phật đạo, phải chịu đựng lớn này, vua dùng máu thoa tay muốn đứng lên cân cho ngang bằng chim câu. Chim Ưng nói ta không cần, hãy trả bồ câu cho ta. Vua nói chết thân vô lượng nay để cầu Phật đạo. Thịt hết gần đứt, vua muốn té xuống bèn tự trách rằng: Ta phải vững chắc chớ có hôn mê, chúng sanh rơi vào biển khổ cần được cứu giúp, đâu dám biếng lười, không bằng một phần mười sáu của khổ địa ngục, ta đặc biệt tinh tấn, chớ sợ khổ này, hưởng chi trong địa ngục không có người trí tuệ. Lúc đó, các vị trời khen rằng: Vì con chim nhỏ mà như thế. Lúc đó, trời đất rung chuyển, nước biển nổi sóng, cây khô sanh hoa, trời mưa nước thơm. Chư Phật đều đến khen chắc chắn sẽ thành Phật. Chim ưng bảo bồ câu rằng: Đây thật là Bồ-tát chân thật. Tỳ-thủ chép: Thiên chủ, Ngài có thần lực nên giúp cho vua bình phục. Đế-thích nói chẳng phải nhờ ta. Vua tự phát thệ, chiêu vời tất cả. Đế-thích hỏi vua rằng: Tâm chẳng buồn chẳng? Vua nói tâm ta mừng vui chẳng hề buồn giận. Đế-thích nói lấy gì tin ông? Bồ-tát chép: Nếu nhất tâm chẳng rối loạn, chỉ cầu Phật đạo thì cho bình phục như xưa. Nói xong liền bình phục. Người trời thấy đều mừng đại bi, khen chưa từng có, chắc chắn sẽ thành Phật, chúng ta nên cúng dường.

Tướng Thi mãi là như vua Tu-đà-ma là vua tinh tấn thường y theo lời Phật. Muốn vào vườn dạo chơi. Vừa ra khỏi cửa thành thì có một Bà-la-môn đến xin rằng: Vua là người phước đức xin thương tôi nghèo đói. Vua nói: Phải đợi ta trở về, vua liền đến vườn thì có chim đầu đàn hai cánh tên là Lộc-túc, cùng Thần núi bắt lấy một ngàn vị vua, đã được chín trăm chín mươi chín vua rồi, chỉ thiếu Tu-đà-ma. Từ trên hư không bay xuống dùng chân quắp lấy vua mang đi, các thể nữ gào khóc một vùng, Lộc-túc bắt vua đến chỗ ở để trong các vua. Vua Tu-đà-ma khóc như mưa. Lộc-túc hỏi làm vua mà khóc như con nít, người có sống phải có chết, có hợp phải có tan. Tu-đà nói ta không sợ chết, tự tiếc rằng từ khi sanh ra đến nay không hề nói dối, nay phải thất tín. Vì hứa bố thí cho Bà-la-môn, phải phụ tâm xưa mang tội lừa dối cho nên ta khóc. Lộc-Túc chép: Cho ông về nhà bây giờ, thí xong rồi đến chịu chết. Nếu chẳng đến ta sẽ bắt lấy. Vua trở về mặc tình bố thí, lập Thái tử lên làm vua hội họp người dân vua bèn tạ từ rằng trí ta chẳng cùng khắp, nhỏ mà chẳng đúng pháp, phải thấy giận dữ, nay thân ta chẳng phải của ta nữa, ắt phải ra đi. Nhân dân thân thích giữ vua ở lại ban phúc cho nước, chớ vì Lộc-túc quỉ vương mà lo. Bèn lập nhà sắt, kỵ binh canh gác. Lộc-túc là thần nên chẳng sợ. Vua nói kệ rằng:

*Lời thật giới bậc nhất,*

*Lời thật bay lên trời,  
Lời thật nhỏ thành lớn,  
Nói dối vào địa ngục.  
Nay ta giữ lời thật,  
Thà mất mạng sống này.*

Do đó ra đi đến chỗ Lộc-túc, Lộc-túc thấy vua đến rất vui mừng bảo: Ông là người rất biết giữ lời hứa. Mọi người đều tiếc thân mạng, thoát rồi lại đến, ông là bậc đại nhân. Lúc đó, vua Tu-đà rộng khen lời nói thật bác bỏ trách nói dối. Lộc-túc nghe xong thì tin tâm thanh tịnh. Bèn bảo Tu-đà rằng: Ông nói được như thế, nay ta thả hết, các vua đều trở về mình. Nói như thế xong, các vua đều đi v.v...

Nhẫn thành tướng. Như vị tiên Sần-đề ở trong rừng tu hành nhẫn nhục. Lúc đó, vua Kha-lợi đem các thể nữ vào vườn dạo chơi, ăn uống xong vua nghỉ ngơi. Các thể nữ đi hái hoa gặp vị Tiên này bèn kính lễ đứng một bên. Khi đó vị Tiên vì các người nữ khen ngợi từ nhẫn, lời lẽ rất hay, nghe mãi không chán nên quên về. Vua thức giấc chẳng thấy thể nữ đâu bèn vác kiếm đi tìm thấy thể nữ ở trước vị Tiên, bèn ghen tức dữ dội, rút kiếm chỉ vị Tiên hỏi: ông làm gì ở đây? Vị Tiên nói tôi tu từ nhẫn. Vua nói nay ta thử ông xem sao, bèn lấy kiếm bén chặt hết tay chân và thẹo tai mũi, nếu không giận thì mới là tu nhẫn. Vị Tiên nói mặc tình. Vua bèn chặt hết tay chân và thẹo tai mũi, hỏi rằng: Ông có động tâm chẳng? Đáp: Tôi tu từ nhẫn, tâm chẳng động. Vua nói ông ở đây một mình không có thể lực, tuy nói chẳng động nhưng có ai tin. Lúc đó vị Tiên liền phát thệ rằng: “Nếu tôi thật tu từ nhẫn thì máu biến thành sữa,” máu liền biến thành sữa. Vua kinh hồn dất các thể nữ chạy đi. Lúc đó, trong rừng Long thần vì vị Tiên này mà mưa gió sấm sét đánh chết vua, không trở về cung được.

Tướng Tinh Tấn: Thái tử Như Hảo Thí tìm châu như ý. Như cuối quyển một nói Thái tử được châu rớt xuống biển mà tát cạn biển lớn, khiến gân cốt khô hết, chẳng hề biếng lười, thể được châu như ý để cho chúng sanh cứu thân khổ. Các trời hỏi bèn đáp rằng: Đờ đờ chẳng nghỉ. Các trời thấy tinh tấn đó bèn giúp năng lực tát cạn biển, nước biển còn phân nửa. Rồng thấy nước giảm sợ biển khô cạn bèn đưa châu trở lại.

Tướng thiên viên mãn: Như vị Tiên Loa Kế, còn gọi là Xà-lê. Có người làm tượng theo hình vị tăng là không đúng. Được thiên thứ tư, dứt hơi thở ra vào, ngồi dưới gốc cây sừng sững bất động. Chim thấy bất động cho là gỗ, bèn làm tổ trên đầu mà đẻ trứng. vị Tiên xuất định biết

trên đầu có trứng chim, bèn nghĩ nếu ta đi lại chim mẹ không bay đến thì trứng sẽ hư. Liền nhập định trở lại, đến khi chim con biết bay bấy giờ mới đứng dậy đi.

Tướng Bát-nhã viên mãn: Như Đại thần Cù-tân chia đất Diêm-phù-đề thành bảy phần, thành ấp xóm làng đều bằng nhau để dứt đấu tranh. Chủng tướng trăm kiếp, là quá ba kỳ trăm kiếp chủng tướng, chủng tức là tu, tức trong trăm kiếp tu tướng nghiệp. Hỏi: Tu ở chỗ nào?. Đáp: Người ở trong cõi dục thân nam ở Nam châu, Phật ra đời không phải duyên người khác thì có thể tu. Dụng ý nghiệp thức thứ sáu. Hỏi trước tu tướng nào? Đáp: Có người chép: Sơ chủng tức hạ bình, vì trước an lập sau mới tu các tướng khác, có người nói mắt xanh là trước dùng Đại bi mà nhìn chúng sanh. Tuy có lời nói này mà nghĩa không đúng. Khi hợp lại chủng lý không có trước sau. Hỏi: Một nghĩ hay nhiều nghĩ. Đáp: một nghĩ tu một tướng, một tướng dụng trăm phước. Hỏi: Bao nhiêu là một phước? Đáp: Có người chép: Luân vương trong bốn thiên hạ xem là một phước. Có người nói như Đế-thích ở hai trời Tự tại là một phước. Có chỗ nói cho đến sáu trời. Có chỗ nói: Trừ Bồ xứ, tất cả mọi người đều có một phước. Có chép: Tất cả chúng sanh trong Đại thiên cùng là một phước. Có chỗ nói Đại thiên chúng sanh mà có thể trị lành là một phước. Có chỗ nói Đại thiên người uống thuốc độc mà trị lành là một phước. Có chỗ nói thấy tất cả người phá giới mà nói pháp khiến họ bỏ việc ấy là một phước. Có chỗ nói không thể thí dụ. Bồ-tát vào tăng-kỳ thứ ba, tâm nghĩ hạnh lớn chủng tướng nhân duyên, nêu phước vô lượng, chỉ có Phật mới biết được. Luận quyển hai mươi hai lại nói: Bồ-tát tu mười điều thiện đều có năm tâm, tức là hạ, trung, thượng, thượng thượng và thượng trong thượng. Mới phát năm tâm cho đến đầy đủ năm tâm, như thế một trăm tâm gọi là trăm phước thành một tướng. Như thế đến ba mươi hai gọi là thân thanh tịnh, văn đồng với Đại Kinh quyển hai mươi hai.

Được năm thân thông, vì chưa dứt hoặc nên không có vô lậu thông. Năm thông như trong trợ đạo đã nói. Ba mươi bốn tâm: nay lấy ý luận hơi khác với các kinh luận nói dứt. Trong Đại Kinh chép: Các hoặc hạ địa nhân khi chưa dứt, cho đến dưới cây bèn dùng chín địa chín phẩm tư hoặc gọi chung là một cửu. Cho nên nói Bồ-tát Tam Tạng vị đồng phạm phu vì chín vô ngại, chín giải thoát hợp thành mười tám, trong kiến đạo có tám nhãn, tám trí hợp thành mười sáu tâm, chung các thứ trước hợp thành ba mươi bốn tâm. Câu-xá Bà-sa ý chép: hoặc tám địa dưới khi mới tu thiên thì trước đã dứt xong, chỉ có phi tướng địa chín phẩm kiến

tư còn nguyên dùng chín vô ngại chín giải thoát vì căn thẳng, cho nên chẳng tu lại dưới tám địa định khác nhau Thanh văn cũng khác Duyên giác. Duyên giác trước có lia tám địa hoặc, một tọa chứng giác. Lại ở chín địa thứ lớp mà tu lại khởi hai đạo vô gián, giải thoát. Trong tám địa dưới tuy chẳng dứt hoặc. Quán hạnh thứ lớp pháp như thế. Mỗi địa đều có mười tám tâm, chín địa liền thành mười tám sáu mươi hai tâm. Kiến đạo mười sáu hợp thành một trăm bảy mươi tám tâm. Bồ-tát chẳng như thế, cho nên chỉ ba mươi bốn tâm. Ở đây và Câu-xá khác nhau ngài La-thập dịch và ý Long thọ đều chẳng phải lầm. Ý khác nhau là nay lấy một ý mà nêu chung khiến hai luận lý bằng nhau. Câu-xá thấy tu thiên khi đã dứt hoặc xong, chẳng còn dứt nữa. Trí Luận y theo các bộ khác, tuy dứt hữu lậu, nhưng chưa gọi là dứt. Đến cây Bồ-đề chỉ đoạn phi tướng tám địa đều được gọi là vô lậu. Chỉ là từ bộ được tên khác nhau. Cho nên khiến hai luận dùng nghĩa chẳng bằng. Lại kinh nói trở xuống là dẫn Đại Kinh một niệm có sáu trăm sanh diệt. Và Luận sư Thành Thật giải số khác nhau, chỉ nói một niệm đầy đủ nhiều niệm để chứng vô gián ba mươi bốn tâm chưa đủ ngại. Kế trước đã trở xuống là biện dị lập trung, ba kỳ chiếu tục, dưới cây chiếu chân, nhìn trước gọi song dị ở Nhị thừa và Bồ-tát. Nhị thừa và Bồ-tát ở vị đệ tử. Cho nên nói cùng đệ tử dị mà giả lập ba đế. Bồ-tát chỉ chiếu trở xuống là giải thích tướng xuất giả lập Trung đạo. Đã tự không thể chỉ từ đều chiếu giả đặt tên là Trung. Tên trung đã giả thì chiếu trung nhãn trí cũng là giả lập. Cho nên nói lại gia thêm. Ly thì trở xuống là nói về ly hợp, nếu phân thuộc đệ tử hoặc Phật tự phần, đã thuộc trước sau. Cho nên chỉ có hai, nếu toàn ở Phật thì người khác không có. Cho nên ở Phật được tên ba đế. Do đó trong năm lớp ba qui không có ba tạng, vì Trung đạo vô thể. Kế người ba thừa vì trong Bồ-tát có lợi căn. Lia chân ra khỏi trung nên nói có khác. kế dẫn Đại luận, v.v... Người trí (người trí) tức là lợi căn thấy trung, gọi là thấy chẳng không. Chẳng không chỉ là chẳng chỉ không. Ba đức đầy đủ gọi là Đại Niết-bàn. Nhị thừa trở xuống là dẫn văn Đại Phẩm. Như mặt trời trí chiếu dụng. Kể độn thì trước sau chỉ thấy không, Pháp Hoa bị hội tức chẳng phải nghĩa trung khai hợp ở đây. Đã không khác trở xuống là chánh nói khai hợp. Chỉ có bất dẫn không gọi là không dị. Nhất thiết trí chiếu chỉ không, Nhất trí thiết chủng chiếu chẳng chỉ không gọi là trí biệt. Chân đã gồm hai trí cũng hai biệt. Ở trong chân đế khai xuất (mở ra) Trung đạo. Cho nên nói thì có hai đế khác nhau, mà nay hợp là y theo Thông giáo, nên nói mà nay. Làm thường hai đế chỉ gọi là chân đế. Nhị thừa trở xuống là mở ra lợi độn Bồ-tát của Nhị

thừa, quán để riêng khác. Vì riêng khác nên có nghĩa bao gồm. Nói thanh tịnh cõi nước Phật là xuất giả Bồ-tát của Thông giáo cũng vì chúng sanh làm nhân Tịnh độ. nơi nơi kết duyên chúng sanh căn cơ thuần thực thì dứt tập thành Phật gọi là thanh tịnh cõi Phật. Khi kết duyên gọi là hạnh Tịnh độ. Cho nên kinh Tịnh Danh nói: Bồ-tát lấy Tịnh độ đều vì lợi ích các chúng sanh. Cho nên nói bố thí là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, thì bỏ tất cả chúng sanh sanh đến nước ấy, khi kết duyên thì dùng bố thí mà nhiếp. Khi thành Phật thì đất nhiều châu báu. Các người bố thí đồng sanh về nước ấy mà được năm thứ bố thí hóa ích, do khi nhiếp sanh có năm thứ khác nhau, cho nên gọi đó là trời người và bốn giáo. Tất cả các hạnh không phải hạnh Bồ-tát Tịnh độ, cho nên có bốn độ ngang dọc nhiếp vật, đây là y khoa tiết. Ấy là Tịnh độ nghĩa chung các giáo. Văn nay lại y Bồ-tát Thông giáo chỗ dứt trừ tàn tập làm quả Tịnh độ, chỉ là khác với Nhị thừa mà thôi. Như Đại Kinh quyển hai mươi hai chép: Nghĩa Tịnh độ chỉ nói nguyện nhiếp nghĩa ấy thì chung, các giáo quán riêng nhiếp sanh đều như thế. Bồ-tát Thượng căn trở xuống là nói Bồ-tát lợi căn khai chân xuất trung. Xưa trang nghiêm trở xuống là phá xưa. Trang Nghiêm nói xuất, Khai Thien nói là chẳng xuất. Đây do Bồ-tát ba thừa cộng học có chỉ, chẳng chỉ. Người xưa chẳng hiểu hai căn lợi độn, chỉ tranh quả Phật xuất và chẳng xuất. Trọn chưa thấy ý nay khai hợp cho nên khiến hai nhà đều nói về kỹ kế. Nay văn đều bị như thế nên đều nói làm cho nghĩa chẳng thành. Cho nên biết hai nhà đều được văn, nay lợi độn một bên, cho nên nói phiến ý, nhưng chẳng thể biết ra ngoài biệt chiếu cảnh Trung đạo, dùng trí Trung đạo mà tiến phá vô minh, cho nên nói phiến ý. Nếu chẳng thể biết độn căn y giáo đồng chứng chân đế với người Nhị thừa, ấy cũng chỉ được phiến ý văn nay. Nếu toàn được ý nay xuất và chẳng xuất thì nghĩa đều thanh. Xưa nay gọi là các thứ này, mặc hai nhà nói đều cho là sâu kín. Đúng sai khó phân, xưa nay khó xếp. Cho nên người xưa hai thuyết song mỹ, gọi hai đế này là phong lưu. Nói phong lưu là cử động hợp nghi, nên cho hai nhà vào ra không lỗi. Ở nay bị phá, vào ra đều quấy, cử động thất nghi, phong lưu đâu còn. Nếu y nay dùng hàm hai đế trung, tới lui đều tốt, phong lưu có dư. Như trong Tăng Truyện có pháp sư Thừa trước cùng một Pháp sư ở chung chùa Khai Thái. Sư này nửa chừng rời chùa Khai Thái. Sau thừa ở chùa cũ khai giảng tựa nói quả Phật này xuất ra nghĩa hai đế. Sư này bèn hỏi là quả Phật sanh ra hai đế hay hai đế sanh ra quả Phật thừa hỏi lại rằng: Là Pháp sư sanh ra Khai Thái hay Khai Thái sanh ra Pháp sư. Đáp rằng: Như chim uyên ương không ở nhà

xí (nhà vệ sinh). Thừa chép: Thích-đề-hoàn Nhân chẳng ở với qui. Đáp rằng: Chim Cưu-xí-la chẳng đậu cây khô. Thừa nói cũng như biển lớn không chứa thây chết. Đối qua đáp lại mà lý đẹp rốt chưa hiển. Lại như Đại Kinh cuối quyển ba mươi sáu, Phật nói quán nhân duyên trí bốn thứ khác nhau. Được Bồ-đề dị thuyết là nói lúc mười ngàn Bồ-tát được nhất sanh thật tướng, năm ngàn Bồ-tát được hai sanh pháp giới. Chương An chép: Ba thừa đồng quán nghĩa bậc nhất đế trí giải khác nhau một sanh hai sanh chính là phá vô minh một phẩm hai phẩm. Thật tướng là biệt lý, pháp giới là viên lý, tức là lợi căn tiếp vào Biệt Viên. Phá vô minh rồi tám tướng thành Phật, ấy là nghĩa quả Phật xuất ngoại, chỉ xem các kinh chưa hề được đạo, tức biết chỗ nói có ý chung riêng. Chỉ không trở xuống là nói về khác. Ấy là trở xuống là kết, như văn. Kế là Biệt giáo: trước nói có không là tục vì khác hai trước, hợp tạng thông trước chung cho hai đế chân tục, đồng là Biệt giáo một tục đế mà thôi. Tục trở xuống là giải thích nghĩa Tục đế. nói tục là cách biệt làm nghĩa, gồm có không nghĩa nhiếp phạm tiểu, có khác lạ này nên gọi là tục. Thắng-man trở xuống là chứng người Nhị thừa bị tục nhiếp, vì không loạn nên thuộc về tục. Dẫn Đại Kinh cũng giống như thế. Tục của Bồ-tát, Nhị thừa gọi là chân. Ba mươi hai nói ta tuy nói chúng sanh đều có Phật tánh, là Phật tự ý nói. Nói như thế là Bồ-tát Hậu Thân còn chẳng thể hiểu hướng chi là Nhị thừa và các Bồ-tát khác. Một thuở nọ ta trụ núi Kỳ-xà-quật nói thế để cho Bồ-tát Di-lặc, năm trăm Thanh văn như Xá-lợi-phất v.v..., đối với sự đều chẳng biết, hướng chi là nghĩa đế bậc xuất thế. Ý văn kinh, là tùy tình mà nói tục đối với Biệt giáo còn chẳng biết hướng chi lại là Tùy trí nghĩa đế bậc nhất. Chương An hỏi: Phật ở đâu mà nói cho năm trăm Thanh văn? Đáp: Chính là trong Hoa Nghiêm nói như đui như điếc. Đây là Biệt giáo chân và tục Nhị thừa đều mê. Nếu luận trở xuống là chánh nói khai hợp. Tuy có khai hợp nhưng phải có hai giáo trung dị ở trước, khác nhau Thông giáo y cứ độn không khai. Kế nói trong Viên giáo ở trước dẫn Đại Kinh. Vốn thật không khai, vì chúng sanh nên phương tiện nói khai. Pháp Hoa cũng như thế. Nói giúp hiển, là ở một thật đế chia ra làm hai, ba tức gọi chỗ khai là phương tiện khác. Vì sao? Vì đã khai xong rồi lại dùng sở khai mà giúp hiển bày thật. Nếu y cứ lý còn không có một thật hướng chi là hai, ba. Chỉ khen Phật thừa, sanh hủy báng chìm trong khổ vì nghĩa ấy nên phải nói giúp hiển. Phải dùng hai nghĩa giải thích dị phương tiện. Nói riêng thì Tam Tạng là dị, chung với chân, chứa đựng trung nên chẳng gọi dị, nói chung thì ba giáo đều gọi dị phương tiện. Biệt giáo giáo đạo chẳng phải hoàn toàn đồng,



huống chi lại chung chân cùng mang mà thôi. Cho nên phải biết là tha nên khai, bày thật nên hợp. Kế nói trở xuống là y cứ hai bốn luận khai hợp cùng trước chỉ là ngang dọc khác nhau, nói về đế thể lại không khác. Lại ở trong bốn trước, xếp ngang dọc, chấp thì có trở xuống là nêu. Ba sanh diệt trở xuống là chánh nói khai hợp, bốn dùng luân kế mà hợp. Hỏi vì sao gọi là ngang dọc? Đáp: Ba đế đối nhau sâu cạn khác nhau, nên nói là dọc. Khổ tập, diệt đạo hai cặp đối nhau, không còn cạn sâu, nên gọi là ngang, lại dùng hai nhìn hai cũng không sâu cạn, chỉ là năng trị, sở trị khác nhau. Cho nên bốn đế gọi là ngang. Hỏi: trước ba, ba bốn dung có thể ngang dọc, viên dung ba bốn làm sao ngang dọc. Đáp: Thật như chỗ hỏi, nay nói ngang dọc, như trong ba đế lại y cứ khai một đế làm hai ba, tức gọi hai ba đế làm phương tiện. Phương tiện nhìn thật cũng được gọi là dọc, khai quyền bày thật không còn hai ba. Chỗ nào mà nói dọc? Đã ở một thật chẳng phân mà phân, phân làm ba đế, ngại gì ba này không phải ngang không phải dọc mà gọi là dọc. Bốn đế cũng như thế. Y cứ giáo phương tiện. Không làm bốn đế xưa nay tức nhau cùng ai nói về ngang, cũng là chẳng phân mà phân, phân làm bốn đế, sao ngại chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà gọi là ngang. Như vị sáu tức chẳng phải ngang chẳng phải dọc mà được gọi là dọc. Các Ba-la-mật không phải ngang không phải dọc mà được ngang. Cho nên biết ngang dọc cao rộng chẳng hai. Nay đem trở xuống là dẫn luận Quán trung. Chỉ là quán đế vụng khéo bốn cú, nhiếp trì các đế. Hai nói trở xuống là y cứ Trí luận khai hợp, là trí chẳng tự phân lại phải y cứ đế. Cho nên trong văn nay đều nói chiếu đế, Đế thể luôn ba, trí có thêm bốn. Lại y vào đại thể lấy ba làm chuẩn. Lại còn ba pháp các văn đều định. Nay trước lại y theo các kinh mà nêu trí, đề làm đầu mối mà hỏi. Trong giải thích trước đối một trí đến ba trí. Một trí trở xuống, là trước đối ba đế, trí có lia hợp. Trước từ một trí cho đến bốn trí để quán ba đế, lấy một đối một, cho đến dùng bốn đối ba. Tương văn có thể thấy, văn tuy rất dễ thấy, như trước một trí quán một đế, đế cùng bao gồm ba. Cho nên kế giải thích rằng: Trí này quán ba đế. Trí này tức là một trí vừa nói, lại dẫn một trí vừa đến, khai thành ba nghĩa, đã quán ba đế trí cũng thành ba. Nếu hai trí trở xuống, tức là hai trí quán hai đế. Trí đế tuy hai nghĩa đã gồm ba, như nói quyền tức Nhất thiết trí, lại dùng đạo chủng trí. Quán ở Tục Trung hai đế có không. Nếu lia quyền trí xem là hai trí, lia tục đế xem là chân tục thì trí đế đều ba, ba trí quán ba, mỗi trí chủ đối không khai hợp dị, cho nên nói rất dễ hiểu. Bốn trí, là bốn trí cũng là hai trí quyền thật, đối nhân quả, v.v... cho nên thành bốn, khai hợp

quán để chẳng ra ngoài ba, đủ như vừa nói. Nói trí tuệ, nếu nói chung thì trí chỉ là tuệ, đều chung quyền thật cho đến nhân quả. Nếu nói Bát-nhã dịch là trí tuệ. Như Đại luận nói nhân gọi là Bát-nhã, quả gọi là Tát-bà-nhã, cho đến tu tập trí tuệ. Đây tức là trí tuệ đều ở nhân. Như nói chỉ quán là nhân, nhân trí là quả. Trí tuệ Như lai, trí tuệ Chư Phật, v.v... đây thì trí tuệ đều ở quả. Nếu nói phương tiện trí tuệ, đây thì trí tuệ ở quyền. Như nói trí tuệ sâu xa, đây thì trí tuệ đều ở thật. Nay theo nghĩa riêng nên phân ra nhân quả. Đối với nghĩa riêng mà đối với tuệ lại thêm đạo và chủng, ở trên trí ấy lại thêm tên Nhất thiết và chủng. Đạo nghĩa là nhân, hai văn nhân, quả đều thêm chủng, chủng là hạt giống khác nhau gồm hiển ở quyền, cho đến sự hoại. Nhân thời dụng quyền, quyền trí chưa trọn, đến quả thì trí mãn, nên còn gọi là chủng. Vì quả pháp khắp nên gọi Nhất thiết. Nếu được ý này bốn nghĩa rất dễ hiểu. Hỏi: Ba tuệ phẩm, Trung phẩm gọi là ba tuệ, trong văn đã giải thích đâu có đến bốn. Đáp: Nhân hai, quả hai, khai đều đủ ba, nên nói ba tuệ. Văn từ hợp mà nói, nhân quả cùng luận, nên thành bốn riêng. Trong văn giải thích lại có bốn lớp, đều nói về văn. Đầu dính mắc hoặc nói, là khéo xếp văn kinh quyết đoán các giải thích, đâu hơn Long Thọ. Thường đối với một ở văn có nhiều giải thích mà cũng chẳng quyết đoán được chăng? Vì ý Phật có nhiều hàm thuận bộ loại người nay giải thích nghĩa chưa bao gồm hết ý kinh, cho nên phải một mà quấy nhiễu. Cái gọi là nhân trung lý thể là lý hai đế, một niệm đầy đủ. Quả trên đã mãn, vì mãn nên có dụng, cho nên thêm Nhất thiết. Nhân Trung đạo tuệ lý có đủ Trung đạo, nhân Trung đạo chủng lý đủ hai đế. Nếu khi đến quả, thì trí Nhất thiết thấy ở Trung đạo, trí Nhất thiết chủng thấy ở hai đế. Tên Nhất thiết này không đồng với Nhị thừa, đối nghĩa ý khác. Nhân Trung đạo tuệ là thật, đạo chủng là quyền. Nếu khi đến quả thì Nhất thiết là thật, Nhất thiết chủng là quyền. Nói chung riêng, là nói thẳng đạo tuệ Nhất thiết trí nên gọi là chung. Vì đều thêm chủng nên gọi là riêng. Nói thẳng đạo tuệ đạo chủng tuệ nên gọi là Đơn. Chuyển tuệ gọi trí đều thêm Nhất thiết cho nên gọi là phức. Cho nên một quyền tất cả quyền, một thật tất cả thật. Cho nên đơn phức đều chung nhân quả. Nay cũng từ riêng nên tuệ đơn mà trí phức. Như thế trở xuống là kết trí chiếu cảnh, hoặc nhân hoặc quả có đủ ba, lẽ trước thể thấy, nên nói chỉ là. Nếu trong kinh trở xuống là nêu ví dụ. Nếu được trước đến một trí đến bốn chỉ quán ba đế, thì hiểu các kinh từ năm đến vô lượng đều thành ba đế, nên nói khiến vào. Cho nên biết Tiểu thừa tất cả các đế khiến vào ba đế, cho đến Đại Tiểu đều vào ba, hoặc hai hoặc một. Kế y cứ mười một trí, các kinh

luận khác chỉ nêu mười trí, chỉ trong Đại Phẩm có thêm trí như Thật. Nói mười trí, thì tạng thông nghĩa đồng, chỉ phân khéo trong thông vì có cộng thừa, lại có bất cộng, nên thêm Như thật. Mười trí Tiểu thừa đầy đủ như trong Trí phẩm của Câu-xá có nói, nghĩa là Thế trí tha tâm khổ tập diệt đạo, pháp so sánh đều Vô sanh, các trí khác nhau chiếu mười một cảnh. Hợp mà nói cũng chẳng ngoài ba đế. Thế và tha tâm vì chiếu tục, lại y cứ vô lậu, khổ tập v.v... tám thứ chiếu chân. Lại y cứ hai trước như thật một trí để chiếu trung, là cùng y cứ hai giáo. Đó gọi là đi là kết qui. Đã nói trí khai mà đế chẳng khai cho nên nói mà ba đế chẳng động. Kế lại nữa trở xuống là nói đều khai, là tùy nhiều ít như mười một trí chiếu mười một cảnh, cho đến như đối hai, ba đây thì rất dễ thấy. Điều chẳng khai, chỉ có Phật thừa, Phật trí chiếu thật đã chỉ một thật cũng gọi khai quyền. Nếu trì bỏ kiết qui về hiển thể. Nay cảnh giới ý, ý ở thật cảnh, chỉ có khai hợp thật là chỗ hiển. Kế y cứ đế trí mà hợp nói, là đế trí cùng luận cho nên nói hợp. Bốn giáo gồm tiếp chung là năm đoạn. Trong mỗi đoạn đều trước nói cảnh phát trí, kế nói trí duyên đế. Duyên và phát đều hợp nói. Trước trong ba tạng nói hai đế cùng phát, là chỉ ba tạng Phật chiếu cả hai đế, giả đặt tên trung, nên gọi là cộng. Trong Thông giáo nói chân đế cùng phát hai nhân hai trí là gồm trung. Kế trong tiếp nói khai chân xuất ra trung. Nếu đã bị tiếp được vào chứng đạo bèn thành ba đế. Hỏi: Đâu riêng tiếp thông mà chẳng nói tạng, đâu riêng tiếp Biệt mà chẳng nói Viên. Đây là hỏi từ trên khai chân xuất ra trung. Trong đáp ở trước nói Thông giáo phải dùng Biệt tiếp, vì cơ Biệt, nếu trước sau chẳng nghe hoàn toàn thuộc hai trước, nếu từ trước tức nghe hoàn toàn thuộc ở hai sau. Lại có một người phá hết hai hoặc, đến địa thứ tám mới nghe Trung đạo. Nghe rồi tu quán tiến phá vô minh được gốc pháp thân, tám tướng thành Phật. Tuy thấy Trung đạo là giả, Thông giáo lấy hai quán không, giả làm phương tiện trước, phải đợi biệt lý mà tiếp mới nghe. Nay nói biệt tiếp, phải có hai nghĩa: Một là Biệt giáo giáo lân cận; hai là biệt lý lý dị chân. Không do đây trở xuống là nói ý chẳng tiếp các giáo khác. Trước nói chẳng tiếp ba tạng nói chẳng lấy quả Phật này, là nếu ở Sơ địa Sơ trụ tùy có tám tướng, nhưng chẳng chịu tên quả. Trong thông chín địa hai quán làm nhân đến địa thứ mười, tám tướng làm quả. Nếu bị tiếp (tiếp đủ) thì phá một phẩm vô minh cũng được tám tướng. Vẫn từ xưa nói nên cũng gọi là quả. Cho nên chỉ đem quả này mà tiếp thông. Chẳng dùng quả này tiếp ba tạng, là có bốn nghĩa: một là tiếp chỗ có thể tiếp, ba tạng do vụng nên chẳng thể tiếp; hai là được tên tiếp mới có thể dùng tiếp, nghĩa là dùng giáo trước có

thỉ không chung, đã dùng bảy, tám chẳng đến chín, mười, tức dùng giáo sau có chung không thỉ. Chỉ dùng hướng địa chẳng cần trụ hạnh. Trong tiếp nối nên được gọi là tiếp; ba là chẳng cần tiếp nên cung chẳng gọi Tiếp. Như Sơ địa, Sơ trụ đã thành chân ngôn. Cũng phá vô minh, tám tướng thành Phật. Nhậm vận lưu nhập đầu cần Tiếp nữa; bốn là được gọi là tiếp, nghĩa là y cứ giới hạn của giáo. Nghĩa trước trong văn tức nghĩa thứ nhất này chẳng thể Tiếp, nghĩa thứ hai này chính là Thông giáo có thể tiếp. Nếu tiếp vào giáo đạo thì ở Hồi hướng, nếu tiếp vào chứng đạo thì ở Sơ địa. Nếu tiếp vào Viên cũng chịu ra giáo chứng, nói đó rất dễ biết. Ba kỳ trăm kiếp lại vào Biệt giáo chỉ ở Mười Tín, nếu lại vào Viên chỉ ở năm phẩm. Cho nên chỉ thành hậu giáo sơ tâm. Từ trước (sơ) đến sau (hậu) có thỉ có chung. Tuy từ Tạng đến vẫn đồng với đương giáo. Cho nên ba tạng chẳng được gọi là Tiếp, tuy tiếp thông. Nhưng nếu từ Càn tuệ tánh địa mà đến thì cũng chẳng gọi là tiếp. Nghĩa đồng sơ hậu tâm của ba tạng. Cho nên bốn niệm xứ nói thông có ba thứ: Một là nhân quả đều thông, tức là Thông giáo; hai là nhân thông mà quả chẳng thông, tức là Bị tiếp; ba là thông biệt, thông viên, tức là Biệt viên. Dùng ở Thông giáo mà làm phương tiện, chỉ thành người nhân quả biệt viên. Cho nên Bồ-tát y cứ vị tuy đồng, Càn tuệ tánh địa quán tuệ cũng kém, cho nên cũng chẳng được gọi là tiếp. Văn nói chẳng đem quả này tiếp nhân mười địa tức là nghĩa thứ ba là Biệt tiếp Thông, vẫn chung bảy địa, tám địa làm nhân, cho nên gọi mười địa, tám tướng là quả, đầu đem quả này mà tiếp mười địa Biệt giáo đã phá nhân mười phẩm. Nhân này tự đến quả Diệu giác há chúng ta đến quả một phẩm. Nếu tiếp Sơ địa, sơ địa lại đồng đã phá một phẩm. Đã không hơn kém đầu cần dùng Tiếp, hướng chi lại còn thành dùng Biệt tiếp Biệt. Tiếp biệt địa tiền tự dùng quả Diệu giác của Viên giáo, hoặc dùng quả Diệu giác của Biệt giáo, đầu cần dùng quả một phẩm ư? Hướng chi Sơ địa giáo này không phải quả, hướng chi lại Diệu giác giáo này vốn đối với quả này mà sanh tín tâm. Vì sao đến đây mới nói bị tiếp. Nói chẳng tiếp Thập trụ là mười địa của Biệt giáo tuy phá mười phẩm cũng còn đối giáo đạo, vẫn chưa phải tiếp, hướng chi là đem phá một phẩm tám tướng tức tiếp vị Thập Trụ của Viên giáo ư? Nghĩa điên đảo cũng đồng mười địa. Nghĩa thứ tư, tức trong văn nói chỉ được lấy Biệt tiếp Thông, hẳn là lý riêng mà tiếp thông lý chung. Cho nên ý văn nay phải tu quán tiến phá vô minh, chẳng phân ra dẫn trung, bất dẫn trung khác nhau. Cho nên biết nói địa xong thì gồm có trụ, há có Sơ trụ lại tiếp Mười trụ. Văn nay nhắc lại chẳng tiếp mười trụ cho nên chẳng tiếp Viên. Vẫn còn

Biệt giáo giáo đạo. Huyền văn dùng viên tiếp thông biệt, là phần giáo chứng vị hạnh biệt. Nay chẳng nói, là y cứ chứng đạo cho nên chỉ y cứ quán. Hỏi: Tiếp và chẳng tiếp, cái nào là hơn. Đáp: Bốn Niệm Xứ chép: Người tiếp bị như đất đá là, nền tảng, vàng báu chất lên trên. Há như từ dưới toàn chất kim cương. Đây là khen đầu cuối đều diệu cho nên như thế. Nếu các Bồ-tát trong hiền vị đều từ tiệm đến thì công đó còn gượng ép. Vì sao? vì các pháp trước thực tạng lý dễ sáng. Như trái cực giàu là từ nghèo đến. Cho nên Bồ-tát phương khác đều khen ngợi Bồ-tát sơ tâm cõi này chịu khổ cực nhọc, từ Hương Tích đến đây nghe pháp, là quyền chưa thuận thực nên phải đi khắp.

Kế nói tung Đắc Thất, trước dùng nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn cùng nêu đắc thất. Tự tha đều như thế, nên cùng nêu. Viên lìa tánh kế và năng hóa tha mới gọi là Đắc. Nếu nói trở xuống là tướng ra khỏi tánh lỗi, đây là giải thích nghĩa tánh chẳng khác các văn mà lời hơi khác. Vì trong các văn đều y cứ tự tha mà đơn nói. Như đơn y cứ trí chỉ nói trí tự là trí nên gọi là Tự tánh trí. Do cảnh cho nên trí gọi là trí Tha tánh. Lìa cảnh lìa trí nên gọi là Vô nhân trí. Nếu chỉ y cứ cảnh chuẩn trí rất dễ hiểu. Tuy lại đơn nói hẳn là cùng sáng. Cho nên trong đây cảnh trí đối nhau mà nói. Nay văn đầu nói chẳng phải do nhờ. Văn giống tự nhiên chính là tự tánh. Vì sao? Trí chẳng do cảnh là trí Tự tánh, cảnh chẳng do trí là cảnh Tự tánh, là đối nhau mà nói. Nên nói chẳng phải do nhờ. Cho nên trong trí nói trí do tâm sanh, tự năng chiếu cảnh. Như đước chiếu vật trở xuống là dụ cho cảnh tự tánh. Nếu nói trở xuống là cảnh trí Tha tánh. Nói do lẫn nhau mà có, là văn giống như cộng tánh, chính là tha sanh. Trí do ở cảnh gọi là trí Tha tánh, cảnh do ở trí gọi là cảnh Tha tánh, là đối nhau mà nói. Nên nói do nhau, thí như dài ngắn đối nhau cũng là hai hướng đối nói làm thí dụ, dài đối với ngắn như trí Tha tánh, ngắn đối với dài, như cảnh Tha tánh. Nếu nói cảnh chẳng tự cảnh trở xuống là nói cộng tánh cảnh trí. Văn giống không nhân nên là cộng tánh. Là sao? Là chẳng riêng do trí cho nên cảnh, cũng chẳng riêng do cảnh cho nên cảnh. Cảnh trí nhân duyên cho nên cảnh, y cứ trí cũng như thế cho nên thành cộng sanh. đã chẳng chuyên do, nên chẳng riêng. Cũng phải thí dụ rằng chẳng riêng do dài, chẳng riêng do ngắn. Do dài ngắn nên được có ở dài, cũng do dài ngắn nên được có ngắn, như nhân nắm tắc cho đến một thước, hòa hợp mới biết một thước là dài. Cho nên cảnh trí đều gọi là nhân duyên. Nếu nói trở xuống là không có chân tánh, đều chẳng có ba thứ như trên. Như nói chẳng do trí cho nên cảnh, cũng chẳng do cảnh cho nên cảnh, cũng chẳng do cảnh trí nhân duyên

cho nên cảnh, trí cũng như thế. cũng phải thí dụ rằng: Chẳng do ngắn mà có dài, chẳng do dài mà có dài, chẳng do dài ngắn mà được có dài. Ngắn cũng như thế. như nói chẳng do năm tắc một thước dài ngắn mà biết một thước là dài. Đây kể ý muốn chẳng phải ba thứ trước mà kể rất kém. Vì sao thế trở xuống là giải thích chấp với lỗi. Lỗi thêm khổ tập mà mất đạo diệt. Văn trước là tập từ nghiệp sanh cho nên trở xuống là khổ. Trong tập trước nói có bốn thủ, v.v..., là y bốn câu mà khởi chấp trước, cho nên gọi là nương tựa, có nương tựa cho nên mình đứng mà người sai gọi là ái nhuế, ái nhuế sanh cho nên cũng sanh si mạn. Thứ lớp như thế tám mươi tám sử, nên nói tất cả. Do ý đúng sai mà sanh hý luận, hý luận thì lấy cạnh tranh làm gốc. Cạnh tranh sanh nên khởi thân nghiệp chuyển đến biển khổ vị lai không thôi. Quả khổ sâu rộng nên gọi là biển. Phải biết trở xuống là kiết chấp thành lỗi là gốc sanh tử. Cho nên bốn chấp hay làm gốc sanh tử, gọi là gốc sanh tử. Cho nên Long Thọ trở xuống là y cứ phá tánh nói đắc. Phạt là nghiêng đổ, tức là phá, phá tha sanh nên nói đâu được là do, là cũng y cứ đối phá nên nói là do. Theo đây phá tự. Văn cũng phải chép: Các pháp chẳng phải tự, đâu được chẳng do cảnh trí. Nếu đơn nói, phá tự chỉ phải nói pháp chẳng tự sanh, đâu được tự cảnh trí cũng như thế. Phá tha phải nói pháp chẳng tha sanh, đâu được do trí cho nên cảnh trí cũng như thế, còn không tự tha cho đến cộng sanh, chẳng lẽ có vô nhân, phá được bốn tánh chẳng riêng phá tha ngoại chấp mà thôi. Long Thọ chánh dùng đây làm pháp quán, cũng là dùng đây chung bày ý Phật, thành các giáo quán mà người đời mê muội lập riêng pháp quán thật là chưa thể được. Cho nên Đại Kinh quyển ba mươi sáu, Phật bảo Tu-bạt nếu ông quán sát thật tướng, thì phá được tất cả các khổ. Tu-bạt chép: Thế nào là thật tướng. Phật nói tướng của vô tướng là thật tướng. Tu-bạt nói thế nào gọi là tướng của vô tướng? Phật nói tất cả không tự tướng, cũng không tha tướng không tướng tự tha chung nhau, cũng không có tướng vô nhân cho đến không có tất cả các tướng. Trong Sư Tử Hống Thán Phật thứ ba mươi nói: Như lai, Thế tôn phá tà đạo, chỉ bày chúng sanh đường chân chánh, người đi đường này được an ổn, cho nên gọi Phật là Đạo sư, không tự không tha là chỗ làm, cũng không cộng làm không nhân làm, nay Tu-bạt nghe thường giữ quả. Tức là ý Biệt Viên gồm tạng thông. Nếu Sư Tử Hống khen Như lai thì chỉ ở viên biệt, cho nên các giáo đều lìa tánh chấp. Chỉ ở chỗ phá cạn sâu khác nhau. Trong các kinh luận so sánh đây rất nhiều. Cho nên phá tánh này tuy ở Diển môn, ba tạng thường quán nhân duyên sanh diệt. Đã phá sanh diệt cũng không có ba

chấp tự, tha, cộng. Huống chi sanh diệt vốn phá tà không. Cho nên bốn giáo cũng có thể dùng chung. Nay trở xuống là chấp nói nhà nay dùng Long Thọ phá pháp, diệt khổ tập ở trước để thành hai khác nhau. Tánh phá tức tánh không, không y tức tướng không, hai bên không, phi nên nói Thường một, cho nên thấy được Trung Trí Bát-nhã. Kế là cho nên trở xuống là không tự sanh v.v... để đối bốn giáo. Y cứ nên giáo giáo đều phá bốn tánh, vì tùy nghĩa tiên muốn dùng bốn này mà nhiếp bốn kia, cho nên dùng bốn tánh đối bốn giáo gồm biết bốn câu nghĩa ý chỉ rất sâu kín. Cho nên trước sau vẫn dùng bốn cú này mà đối chung đối riêng. Giáo giáo đều bốn, gọi là đối riêng. bốn câu đối bốn gọi là đối chung. Lại biết bốn giáo nhân duyên khác nhau, cho đến bốn giáo tự nhiên cũng khác, đều ở một niệm một lúc cùng phá. Vì sao? Như ở cõi này sách tục có chấp nguyên khí mà sanh, tức là chấp tự, có chấp cha mẹ mà sanh tức là chấp tha. Có chấp do nguyên khí cho nên nhờ cha mẹ, tức là chấp cộng. Có chấp tự nhiên tức là Vô nhân. Cho nên Trang Tử chép: Thiên là vận, Địa là xứ, nhật nguyệt tranh chỗ nhau, Thục chủ họ trương, thục vông họ duy, Thục cư vô sự mà suy họ hành. Trang đã chẳng hiểu pháp duyên khởi mà cũng chẳng biết ai ở trời ai ở đất, ai suy trời trăng. Chẳng lường được nghiệp ấy, cho nên suy y báo mà thuộc tự nhiên. Lão Tử chấp thủ, tự nhiên vẫn mông. Như người chấp này là muốn so sánh phương Tây hơn kém cách nhau như trời vực. Cho nên biết cõi này hôn tục chấp tự nhiên, v.v... có nói mà không làm huống chi vẫn nay là chỗ chấp tự nhiên của người Viên giáo, cho đến tự sanh là chỗ chấp của người ba tạng giáo. Cho nên biết nghĩa khác mà tên đồng, phải khéo châm chước. Trong văn chỉ nêu trước sau, khoảng giữa y cứ mà biết. Lại quyển mười giải thích vua yếu kém quan cưỡng ép, v.v..., là chỉ lấy tự tha đều đối với hai giáo: nội giáo và ngoại giáo, như quyển bảy giải thích trong trợ đạo mà dùng sanh v.v... đối bốn giáo tiến. Chỉ vì tên sanh và nghĩa tiến đồng nhau, nhìn nay lại khác. Cho nên biết tùy nghĩa chẳng thể một tiêu chuẩn. Nay Ba tạng này đối với sanh sanh để làm tự. Người ba tạng chép: Cảnh thường sanh diệt đâu liên quan đến trí, cảnh nay sanh diệt gọi là cảnh Tự sanh, vô trí mà thôi, có sanh ắt có diệt, cũng chẳng do cảnh. Nay trí sanh diệt tự sanh trí. Lấy sanh chẳng sanh làm tha tánh, là người Thông giáo nói do trí Vô sanh chiếu cảnh Vô sanh là cảnh tha tánh, do cảnh Vô sanh phát trí Vô sanh là trí tha tánh. Như nói các pháp chẳng sanh cho nên Bát-nhã chẳng sanh, Bát-nhã chẳng sanh cho nên các pháp chẳng sanh, lấy chẳng sanh sanh làm cộng tánh, là người Biệt giáo chép: Do vốn có lý thể làm tự, lại mượn

duyên tu phương tiện làm tha, chân duyên hòa hợp sanh ra tất cả. Lại khi xuất giả do cảnh sở hóa cho đến đại nghiệp, trong ngoài hòa hợp mới lợi tha được. Lại do các pháp cùng tục trí hợp mới lợi tha được, vì chẳng sanh chẳng sanh làm vô nhân, là người Viên giáo chép: Không thể nghĩ bàn không phải cảnh, không phải trí, nếu chiếu, chẳng chiếu, chẳng tự thiên nhiên gọi là cảnh chẳng sanh. Nếu quán, chẳng quán trí thường vốn có, gọi là trí bất sanh.

Cảnh và Trí thâm hợp một, giả lập thành tên. Trong văn lược dẫn Thân tử, Tịnh Danh để chứng minh trước, sau, khoảng giữa phải dùng ba thừa vô thuyết để chứng minh Thông giáo. Bồ-tát Vô Ngôn để làm chứng Nói giáo. Trong mỗi câu đều nói khổ tập chẳng sanh. Bác bỏ tánh chấp trước có tánh chấp nên khổ tập thêm lớn. Vì vậy nay dùng pháp tánh mà quán, cầu sanh mà sanh, tự chẳng thật có. Cho đến cầu vô nhân chẳng sanh, chẳng sanh cũng chẳng thật có. Nếu đương phần thì phải giáo chứng lý vô sanh. Cho nên mỗi câu đều nói chẳng thể nói, tuy chẳng trở xuống là vì tha lại làm bốn cái mà nói, trong mỗi câu tất đều làm bốn nói. Tuy làm trở xuống là kết thành hai không. Nói như trước, là đủ như vừa đến mới theo. Nếu nói trở xuống là cho đến chính là chỗ tâm hành diệt. Cho nên Kim Quang Minh trở xuống là dẫn chứng. Kinh ấy bốn quyển thì quyển thứ ba có phẩm Tán Chỉ chép: Trí quang Bất khả nghĩ bàn, Trí cự Bất khả nghĩ bàn, Trí hạnh Bất khả nghĩ bàn, Trí tụ Bất khả nghĩ bàn, Trí cảnh Bất khả nghĩ bàn. Văn này nói chiếu. Kinh lại nói Quang-Cự-Tụ, chỉ là khen trí đủ đức mà thôi. Trí hạnh chỉ là trí dẫn hạnh. Trí cảnh chỉ là trí chiếu cảnh. Nói chung chỉ là ba thứ Cảnh, Trí, Hạnh mỗi thứ đều nói không thể nghĩ bàn. Nói Cảnh trí hạnh lại làm rõ lẫn nhau, tuy làm rõ nhau, mà cảnh hạnh phải do trí chiếu, trí dắt dẫn. Cho nên mỗi câu đều nói trí. Văn này là nói trí cảnh tức nhau, lại lược bớt hạnh, lý cũng phải đủ. Nếu phá trở xuống là xếp quyền thật. Đây là quyền thật Không thể nghĩ bàn. Như thế trở xuống là y cứ giáo để xếp đặc thất, để nói lên không thể nghĩ bàn. Nay đây trước y cứ Ba tạng giáo, tức trong mỗi giáo đều có bốn tánh từ nghĩa riêng. Vì sao trở xuống là giải thích Tam Tạng giáo, cho nên đối phạm phụ mà nói có bốn tánh. Ba giáo dưới đều phải có. Văn không có là lược. Phạm có tánh chấp thì thuộc phạm phụ, phạm phụ có chấp thành tự hành thất, cho nên ba giáo sau đều y cứ tự hành mà phá tánh luận đặc. Lại hai giáo trước là Thánh, ở sau đồng phạm. Nếu theo hóa tha có bốn tất, vì hay có hóa tha nên gọi là đặc, xoay vần đối với nhau, cho đến Viên giáo cùng làm đặc thất. Biệt giáo chấp nhân duyên v.v... bốn thứ thành tánh lỗi, là



Chư Phật Bồ-tát phó duyên lợi vật, nếu chấp phó cơ thì nói khác nhau, đều nói mình thấy nên thành tánh lỗi, người chấp này đều từ sơ tâm, cho đến hồi hương mới dần không chấp. Đến trong Viên giáo nói giáo chứng đều chứng thật ý hơi khó hiểu. Người nhiều mê khiến Biệt giáo này nghĩa nó ngăn lấp. Cho nên nay ta mượn Dụng Địa luận giáo chứng hai đạo để nêu Biệt môn. Trong đó trước biết hai ý: Một là theo hạnh thì Địa tiền là giáo, Đẳng địa là chứng. Vì sao? Vì Địa tiền ngưỡng tín thì Đẳng địa hiện tiền, đâu có thân chứng lại còn cách biệt; Hai là nói: Vì Địa tiền nói trước sau đầu cuối thuộc giáo, vì sao? Vì như nói chân như bị hoặc che lấp, hoặc dùng mười độ để đối mười địa chẳng thấu nhiếp nhau. Hoặc nói: Phải lìa hai bên tu quán chân như. Hoặc nói Đẳng giác vào Trùng huyện môn. Hoặc nói năm địa tập học thế pháp. Hoặc nói Bát địa vào Vô công dụng, một vị Đẳng giác hoặc có hoặc không. dứt mười hai phẩm gọi là Diệu giác. Như thế các ví dụ chẳng chép hết. Đều là quyền thi để dẫn phẩm hạ làm phương tiện nhập địa. Vào địa tự chứng huyền môn tự mở. Cho nên nói Sơ địa tức Sơ trụ vào chứng đạo vận. Lại nói Sơ địa chẳng biết Bồ-tát Sơ địa gỡ chân hạ chân. Nếu nói theo lý thì danh tự quán hạnh còn tự biết viên, đâu có Sơ địa chẳng biết Nhị địa. Nếu nói vị dưới chẳng biết vị trên, viên cũng xoay vần lần lượt chẳng biết nhau, làm sao chỉ người Biệt giáo nên phương tiện. Văn nay không phải chuyên xét giáo hơn kém, chỉ còn thứ lớp và chẳng thứ lớp mê là còn rộng. Nếu đọa thuyền văn phải khéo hiểu giáo này chứng hai đạo thì Biệt môn sẽ nêu. Nếu y giáo tu hành càng phải khéo biết cho nên văn nay thường lược dụng. Nếu chẳng hiểu, thì sơ tâm nói lý hai thuyết khác nhau. Nếu chẳng biết không có đất đặt tâm. Như nói chính là sơ tâm biết lý. Hoặc nói lý đủ muôn đức đối đãi hạnh. Hoặc nói hiểu viên hạnh phải có thứ lớp. Hoặc nói: Lý có chẳng dùng các pháp như thế nói chẳng phải Biệt, chẳng phải Viên, chẳng phải Thông chẳng phải Tạng. Giáo tướng chẳng nói thì làm suy? Vì sao trở xuống là giải thích giáo chứng. Không tự niệm trở xuống là chánh nói tướng tự tha của Viên giáo để nói văn nay không mất hiển thể.

Kế trong nhiếp pháp trước nói ý đến lập nghi, kế nay thì trở xuống là giải thích trung. Trước giải thích chung, chẳng vì danh lược mà khiến thể chẳng khắp. Vì sao trở xuống là giải thích. Chỉ quán đều dùng một dụ mà dụ, như đầu được một huyết mà trị tất cả bệnh, như được châu như ý gọi là châu vương. Nên Đại Kinh quyển ba mươi một nói: Cũng như phương thuốc điều trị các bệnh. Đối với một tên trở xuống là nói vô lượng nghĩa, hoặc đối với một nghĩa mà nói vô lượng tên. Vì sao một

tên mà nói vô lượng nghĩa? Như Đại Niết-bàn cũng gọi là vô sanh vô xuất, vô tác qui y, hang nhà giải thoát, đèn sáng không sợ, bờ kia v.v... Đại Phẩm trở xuống là đại chúng trung. Đã nói tất cả đều học và tất cả vào trung. Phải biết Chỉ quán nhiếp tất cả pháp như đã dẫn ở trước. Nay lại trở xuống là khai chương giải thích riêng. Thật thể Chỉ quán xem là năng nhiếp, sáu thứ như sự v.v... xem là sở nhiếp, sở thì theo năng nên nói nhiếp pháp. Tuy nói thiên viên thứ lớp, chẳng thứ lớp v.v... chỉ nói pháp sở nhiếp thật thể khắp, há sở nhiếp khác nhau khiến thể phân chia. Lại như Thành Luận ba tạng một môn. Trong phẩm Chỉ Quán trước đặt câu hỏi rằng: Trong kinh Chư Phật bảo các Tỳ-kheo tất cả đều phải tu hành hai pháp, đó là Chỉ quán. Hỏi: Tất cả phải tu, đâu chỉ hai pháp? Đáp: Chỉ là định, quán là tuệ. Tất cả pháp thiện hai thứ này nhiếp hết cho đến tán tâm, văn tư v.v... các tuệ cũng ở trong ấy, vì hai pháp này biện được đạo pháp. Vì sao? Chỉ là hay ngăn kết, quán là hay dứt diệt. Chỉ như tay nắm, quán như dùng cái liềm. Chỉ như quét sạch, quán như dẹp bỏ. Chỉ như lau bụi dơ, quán như nước trong. Chỉ như nước ngâm, quán như lửa nóng. Chỉ bác bỏ tâm trạo cử, quán khởi thì vọng tâm mất. Cho đến nhiều nghĩa không thể ghi hết. Trong đây nêu chương lý cho đến giáo. Đủ Y luận ấy sáu lớp nghĩa môn. Tuy Đại tiểu khác nhau hay nói các tên v.v..., tên chung nghĩa riêng tức là ý này. Người khác bảo Thành luận nghĩa chung Đại thừa, nay hỏi vì sao Hoa Nghiêm, Đại phẩm, Đại tập sanh khởi văn tướng rất dễ thấy. Từ sự lý trở xuống là lược bày vừa nêu sáu chương nhiếp nhau. Lược dùng sự v.v... nhiếp sáu chương. Trước sự tức nhiếp năm chương, lý chỉ là lý. Giải tức là trí, vị chung nhân quả. Nhân lại nhiếp lý hoặc, trí hạnh giáo tha chỉ tha, các khác đều là tự, tự hành hóa tha, nhân quả nhiếp hết sáu chương này. Văn sáu nghĩa hai đều có thứ lớp và chẳng thứ lớp. Ý chỉ ở một đồng thuộc về viên đốn chỉ quán nhiếp. Một dĩ trở xuống là giải thích văn trước là giải thích riêng. Nghĩa phải thứ lớp và chẳng thứ lớp. Văn kế nhiếp nhau, chỉ chẳng thứ lớp nghĩa sẽ khai hiển. Trong giải thích riêng trước nói lý. Lý chẳng ngoài hai, chỉ là quyền thật. Khai làm bốn là y cứ giáo Năng thuyết, nay y cứ Sở thuyết cho nên chỉ có hai. Dẫu tùy giáo tướng cũng chẳng ngoài hai. Kế trong nhiếp hoặc cũng y cứ hướng lý để nói hoặc. Cho nên y cứ mê ở hai lý quyền thật để nói hoặc thể chung riêng khác nhau. Gốc mê lý gọi là vô minh, vô minh xem là nhân duyên đầu, cho nên hoặc chung riêng đều y cứ nhân duyên. Trước giải thích mê mờ quyền lý. Trong mười hai duyên nói độc đầu, là trong Bà-sa nói: Bất cộng vô minh chẳng đi chung với sử. Hỏi: Cũng có bất cộng trạo

triển v.v... chẳng? Đáp: không. Người bảo đã có bất cộng vô minh, cũng phải có bất cộng trạo v.v..., tất cả nhiễm đều có vô minh. Chỉ có vô minh có bất cộng riêng. Cho nên trong Pháp Hoa dùng con rít mà dụ cho Độc Đầu, dùng con chồn dụ cho tương ưng, đây chỉ dụ cho hai si khác nhau. Chẳng thấy lại có độc đầu trạo v.v... được các vui sướng. Là mười hai trở xuống, là cột mười hai để làm ba đường, mười hai nhân duyên trôi lăn sanh nhau, cho nên ba đường cũng trôi lăn sanh nhau. Đại luận, mười hai nhân duyên, luận Bà-sa, kinh Thập Địa v.v... đồng nhau. Câu-xá nói ba phiền não, hai nghiệp, bảy sự cũng gọi là quả. Lược quả và lược nhân do trung có thể so hai, từ hoặc sanh hoặc nghiệp, từ nghiệp sanh sự, từ sự hoặc sanh. Có lý chỉ đây. Bốn câu đầu dùng lược nhiếp rộng. Cho nên luận nói: Phải biết duyên khởi tuy có mười hai mà hai ba là tánh. Ba là hoặc nghiệp sự, hai là nhân quả. Trong đó lại có hai: Hai câu trước là nói nhiếp nhau, hai câu sau là giải thích ngại. Ngại rằng: Vì sao quá khứ, vị lai lược mà hiện tại rộng. Giải thích rằng: Do trung có thể dùng so biết hiện tại gọi là Trung. Kế từ hoặc sanh, hoặc tức là ái sanh, thủ từ hoặc sanh, nghiệp tức là thủ sanh hữu và vô minh sanh hành. Từ nghiệp sanh sự tức là hành sanh thức và có sanh sanh, từ sự sự hoặc sanh, tức là từ sự sanh sự, tức thức sanh danh sắc cho đến sanh thọ. Từ sự sanh hoặc tức thọ sanh ái. Thành Luận nói trở xuống là kế dẫn luận chứng tướng ba đường. Hỏi: Ba chương ba đường chỉ có khổ và báo hai tên thì khác. hai thứ Nghiệp, phiền não thì đồng là sao? Đáp: Khổ là khổ báo, cũng báo tức là khổ. Cho nên biết tên khác mà nghĩa đồng. Hỏi: Ba tên đã đồng, hai tên chương và đạo khác nhau, là sao? Đáp: Ngăn che các Thánh đạo nên gọi là chương. Xoay vần chung nhau nên gọi là Đạo, đều từ công năng lỗi lầm mà đặt tên. Nay mười hai luân là ba đường, năng thông và trôi lăn nghĩa đồng nhau. Lại cùng Thành Luận cũng đồng. Luận tên Nghiệp đạo, nghiệp phải dùng phiền não làm năng chung, phải lấy khổ này làm sở chung. Văn tuy nêu nghiệp, nghĩa đã đủ ba, nên được dẫn làm chứng. Cho nên luận Phẩm mười Bất Thiện Nghiệp Đạo hỏi rằng: thế nào là Nghiệp đạo? Đáp: Ý tức là nghiệp ở trong hạnh, nên gọi là Nghiệp đạo. Đi trước sau ba trung, đi sau trước bảy trung, ba là nghiệp chẳng phải đạo, bảy vừa là nghiệp vừa là đạo. Đây là chép đủ luận văn. Người chưa thấy luận chỉ thấy tiếp sau mười hai duyên thì thành mười hai nhân duyên mà giải thích rất chẳng thật có. Nay trước nêu luận văn kế hội ba đường. Luận phẩm tuy nêu tên gọi là phẩm nghiệp Đạo. Nay văn vẫn dùng ý chung ba đường. Ý tức là nghiệp, là ý địa suy nghĩ. Hành giả trong đó, hành là thân v.v... nên biết thân v.v... là ý làm ra gọi là Nghiệp đạo,

hạnh trước v.v... là nói khởi trước sau, đem giáo mà nêu đối khởi trước sau. Văn nêu thứ lớp thân nghiệp là trước, ý ba ở sau. Nếu khởi thứ lớp ý ba ở trước, thân nghiệp ở sau, trước khởi ý địa, nên nói tiền hành, văn nêu ở sau nên nói hậu ba. Sau động thân nghiệp nên nói hậu hành. Văn nêu ở trước nên nói tiền bầy. Chữ trung chỉ là giúp câu mà thôi, nói ở đây có bầy và ba trung mà thôi. Cũng như năm ấm cùng nhau khởi thô tế. Bốn đế nhân quả cũng giống như thế. Song ý luận văn ba là nghiệp chẳng phải đạo, chẳng phải thân nghiệp, vừa là nghiệp vừa là đạo, hai nghiệp thân nghiệp là ý nghiệp làm. Lại gọi là Đạo. Năng văn nghĩa lập ý là Năng chung, cũng được gọi là Đạo. Cho nên ba sau chung đến thân nghiệp, nên nói có thể chung bầy. Bầy trước là nghiệp lại là ý hạnh. Cho nên luận rằng vừa là nghiệp vừa là đạo, văn nay trước bầy có lập hai nghĩa: Một là sở hành như ý luận văn, nên nói là nghiệp lại là đạo; hai là Năng chung, chung đến đời sau nên lại gọi Đạo. Ý ba tức là phiền não đạo. Hành ở thân nghiệp tức phiền não chung nghiệp. Nghiệp đến đời sau tức nghiệp chung khổ, cho nên biết chánh dụng thành luận ba nghiệp để giải thích ba đường, dẫn luận giải thích, thành ý ấy ở đây.

Khiên liên v.v... là Tăng Nhất quyển bốn mươi nói: Phật tự xem bệnh các tỳ-kheo, trách các tỳ-kheo rằng: Các thầy vì cái gì mà xuất gia, vì sợ vua hay vì muốn bỏ mười hai khiên liên. Ba đời trói buộc nên gọi là khiên liên. Mười hai luận v.v... và văn Đại Anh Lạc xoay vần chẳng cùng, cũng như bánh xe. Cột trói trở xuống là giải thích tên. Ba đời trở xuống là kết thành nhiếp pháp. Nếu mê thật lý trở xuống là kế nói ngoại giới mười hai nhân duyên trước đối tiểu nói về khác, giới ngoại cũng có tương ứng độc đầu, cũng cùng giới ngoài các sử kiến tư gọi chung là tương ứng. Ngay đó bày lý gọi là độc đầu. Nói tương ứng, là như nói từ đây trở về trước đều gọi Tà kiến. Lại Đăng giác trở lại tu lìa thấy thiên nầy tức là giới ngoại đồng thể kiến, hai cõi Phương Tiện, Thật Báo năm trần là giới ngoại tư. Như kiến tư này phải có vô minh gọi là tương ứng. Kế y luận mà giải thích tương, cho nên trong văn nay dẫn luận Thật Tánh. Điên đảo tức là vô minh độc đầu, điên đảo là tương ứng, tức hai vô minh trong ba thứ ý sanh thân, ba thứ đều gọi thân ý sanh, là kinh Lăng-già, Đại Tuệ hỏi Phật thế nào gọi là ý sanh. Phật nói: Thí như ý đi nhanh chóng vô ngại gọi là ý sanh. Đây là từ thí dụ nên nói sanh thân, ví như ý đi. Kinh ấy hai nghĩa mà giải thích tên chung. Trước nói như nói ý thấy trước ngoài mười muôn do-tuần, niệm niệm nối nhau nhanh chóng đến đó. Kế nói Tam-muội như nhà ảo thuật nhớ bốn nguyện sanh vào các Thánh. Trước nói chỗ nhớ, kế nói nhớ nguyện,

hai nghĩa đều là ý nhớ sanh gọi là ý sanh. Nay Sơn Môn ta tác ý sanh gọi là ý sanh. Kinh tức nói nhớ, nhớ là tác ý, cho nên nghĩa đồng. Kế quyển bốn giải thích ba tên riêng một, phẩm Vô Thường nói ý sanh ba thứ: Một là vào Tam-muội lạc ý thành thân, cũng gọi là Chánh thọ, tức ba - bốn - năm địa tâm vắng lặng chẳng động; hai là giác pháp tự tánh ý thành thân, tức là Bát địa vào khắp cõi Phật, nên dùng pháp làm tự tánh, ba thứ loại đều sanh vô tác ý thành thân, tức là liễu Phật chứng pháp thành cùng sanh đều nói theo quả. Đây là y cứ Thông giáo cho đến Biệt tiếp dọc phân ra thứ vị. Huyền Văn ở đây đều nói ở ba giáo trước, để chung các giáo mà giải thích nghĩa. Đã nói Bát địa là giác pháp tự tánh, xét biết văn đầu tuy nói Ngũ địa cũng gồm Thất địa tức vào không vị, tám vị tức sẽ vào giả vị. Chủng loại đều sanh, nói Liễu Phật chứng pháp, tức là vào trung, thuộc chủng loại Phật, chưa hẳn tự chứng. Nếu Tiếp vào Biệt Thất địa về trước vào Biệt mười trụ. Bát địa trở xuống là tiếp vào mười hạnh. Biệt Phật chứng pháp là vào hồi hướng đều không phải chứng đạo, nên gọi ý sanh. Vẫn là tên (gọi) chẳng gồm tiếp, là cùng kết vị này nên đều nói địa. Tam-muội lạc ý còn nhiếp người Nhị thừa ba tạng, hưởng chung với Nhị thừa. Huyền văn nay xếp kinh Lăng-già vị ý sanh, là lấy kém mà nhiếp hơn. Cho nên chỉ Nhị thừa nhiếp lấy Thông Biệt, nếu đối Biệt vị là chưa nhiếp chứng đạo. Cho nên chỉ từ Địa Tiền mà xếp vị. Cho nên biết nay xếp đồng với ý kinh. Văn kinh chưa nhiếp Biệt vị là khác. Nói năm thứ là y cứ khai hợp mà thôi, tên chỉ có ba nghĩa mà khai thành năm. Ở Tam-muội Chánh Thọ khai ra ba tạng Nhị thừa ở trong giác pháp khai ra Biệt giáo mười hạnh. Nếu làm bảy thứ hai giáo Nhị thừa đều khai làm hai. Mười Trụ của Biệt giáo nghĩa vẫn đồng với Thông giáo vào không. Cho nên văn sau nói: Phạm có nhiều thứ, nếu luận trên chín người sanh phương tiện thì lấy Viên giáo sáu căn thanh tịnh vị nhiếp vào ba thứ ý sanh thân, cũng phải dễ hiểu. Vì đều chưa dứt vô minh, chưa sanh Thật báo. Huyền văn chẳng nói nhiếp vào ba là vì quán hơn nên lại bỏ chẳng nói. Lại tên ý sanh phải ở giáo đạo. Ba thứ ý do đời v.v... là nhân đời quả đời từ hạ sanh thượng. Bồ đây trở xuống là y theo luận bố thành ba đường. Đây mười trở xuống là nói đồng khác. Hoặc này trở xuống là kết thành nhiếp pháp, rốt ráo như văn. Trong phân biệt nói và Bồ-tát v.v... Thông giáo đều lấy mười trụ của Biệt giáo. Trần sa tuy chẳng nhuận sanh v.v... là giải thích nghi. Nghi rằng: Giới ngoại nhuận sanh y cứ vào vô minh, đã chẳng do trần sa thì đâu phải trước dứt. Giải thích rằng: Vì chướng hóa đạo nên phải dứt trước, vì chân hóa phương tiện nên phải dứt trước hoặc

này, dứt rồi mới được tiến tu Trung quán, phá Thật báo trung tướng ứng độc đầu trần sa là nhánh, vô minh là gốc, nói sâu vị sau nên nói đều bỏ. Cho nên biết quán giả nhiếp được trần sa. Trong ba thứ sanh thân, người trước đã cỡi ấy dứt được trần sa, nên nói chánh nhiếp. Phá trần sa rồi thì sẽ tiến phá vô minh nên cũng gọi là nhiếp. Nếu nói khác thì vô minh đầu cuối thuộc về Trung quán, nếu nói hai người Biệt, Viên vì y cứ nhiếp nhau mà nói nên lấy người Viên. Trong đây y cứ ý luận ở chủng loại giác pháp hai người tên là Biệt hoặc nghĩa gồm vô minh, nên nói bị phục. Nếu nói riêng Trần Sa giới nội đã dứt, đầu cần nói phục. Cho nên ở giới ngoại chỉ tu Trung quán mà phá vô minh ấy, nên nói ba đường. Từ đoạn vị mà nói nên nói Sơ địa. Đã chỉ nói địa, nên biết ý sanh lại nói quyền vị. Nếu chẳng như thế thì há viên sáu căn, lại vào Biệt địa. Hai mươi Trí huyền nghĩa Trí diệu mà nêu, tức là ba tạng có bảy: Một là Thế trí, hai là Ngoại phạm, ba là Nội phạm, bốn là Bốn quả, năm là Bích-Chi Phật, sáu là Bồ-tát, bảy là quả Phật. Thông giáo có năm: Một là Bốn quả, hai là Bích-Chi Phật, ba là Bồ-tát Nhập Không, bốn là Bồ-tát Xuất Giả, năm là quả Phật. Biệt giáo có bốn: Một là mười tám, hai là ba mươi tâm, ba là mười địa, bốn là sáu căn, ba là bốn mươi tâm, bốn là quả Phật. Văn ấy ba Phật đồng nêu ở sau, đồng là có giáo không người Thật quả lâu viên mãn. Như thế mà nêu thì lại y cứ vào phần lớn chưa được xong xuôi. Cũng thuộc ba quán, là ba quán có chung có riêng. chung là Tạng chung mười trí là thuộc không, Biệt giáo thuộc giả, Viên giáo thuộc trung. Biệt là tạng thông, Nhị thừa Nhập Không Bồ-tát của Thông giáo, Thập Trụ Bồ-tát của Biệt giáo, cho đến hai Phật trí của Tạng Thông cũng là thuộc về quán không, ba tạng Bồ-tát trí, Thông giáo xuất giả Bồ-tát trí, Biệt giáo hạnh hưởng Bồ-tát trí đều thuộc về quán giả. Sơ địa trí của Biệt giáo trở xuống thì thuộc về Trung quán. Đây thì thứ lớp thuộc ba quán. Viên giáo trí tức là thuộc một tâm ba quán. Nếu nói từ một lượt cứ vị thì Thông giáo sáu căn trí bảy tín về trước cũng thuộc quán không. Tám tín trở lên cũng thuộc quán giả Sơ trụ trở lên chỉ thuộc Trung quán. Ba giáo trí trước nếu khai quyền hiển thật lại không thứ lớp. Nếu được ý này, một kỳ Phật giáo nói các trí đều là thuộc ba quán. Cho nên Chỉ quán nhiếp tất cả trí, kế nhiệm tất cả hạnh, chẳng ngoài chánh trợ. Cho nên phải bốn giáo đều nói hai hạnh Tỳ-bát-xá-na v.v... là dẫn chứng chánh trợ. Đại Kinh quyển hai mươi bảy nói: Nếu nói Tỳ-bát-xá-na phá phiền não, vì sao lại tu Xa-ma-tha? Nay nói lấy định trợ tuệ, lại nêu phải trợ, cho nên phải dẫn, thật ra định tuệ đều là chánh tu. Từ v.v... sự quán mới gọi là trợ, bốn giáo đối nhau

đều chung làm trợ trước giáo sau. Tự hành quán nhiếp hạnh bốn giáo. Chánh trợ trở xuống là nói trí dất hạnh, nên hai giáo trước bó làm không hạnh, Biệt giáo là giả, Viên giáo là trung, tạng chung như văn trong quán giả nói tục lý, là duyên ở Tục đế Hằng sa Tam-muội. Nói Tục sự là duyên chúng sanh bệnh và các việc thần thông lợi sanh. Trong Trung Quán nói đều là Đại thừa, đủ như Đại phẩm rộng thừa phẩm, ở trong đó khéo chọn tướng chung riêng mới phải văn nay. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, tức ba Phật tánh. Đại Kinh quyển hai mươi lăm nói: Vô minh có ái là hai trung gian tức là Trung đạo. Như thế Trung đạo hay phá tất cả sanh tử, cho nên phải phá hai tử ba đường thành ba Phật tánh. Đủ như thứ chín y cứ mười hai duyên nói trong mười thừa. Từ lại nữa trở xuống là nói rộng hành tướng chánh trợ của các giáo. Bắt đầu từ hữu lậu, cuối ở viên cực. Tìm văn sẽ thấy.

Trước nói sự thiên, kế bốn niệm trở xuống là nhập pháp không hành, bốn ý chỉ, chỉ là bốn niệm xứ. Trong kinh Nhân Vương gọi là bốn ý chỉ. Bốn cảnh chỉ tâm nên gọi là Định. Trong ba mươi bảy phẩm đến Âm Cảnh mười thừa có nói. Trong bốn đế thì ba là hữu vi. Khổ tập là hữu vi hữu lậu. Đạo đế là hữu vi vô lậu. Tuy lậu, vô lậu mà chung thuộc hữu vi. Mười sáu hạnh, luận văn nói rộng nay lược nêu hành tướng. Khổ trở xuống bốn hạnh là vô thường, khổ, không, vô ngã, quán âm duyên sanh, niệm niệm sanh diệt nên là vô thường. Bị vô thường ép bức nên khổ, tướng một tướng khác chẳng thật có nên không, ngã ngã sở chẳng thật có nên vô ngã. Tập trở xuống có bốn tức là tập nhân duyên sanh, hữu lậu hòa hợp hay với lấy quả khổ, nên gọi là tập quán ở sáu, nhân sanh ra quả khổ, nên gọi là nhân. Quán ở bốn duyên sanh ra quả khổ nên gọi là duyên, lại chịu sau có khổ, nên gọi là sanh. Diệt trở xuống bốn hạnh, tức là tận diệt diệu ly, tất cả khổ hết nên gọi là tận các phiền não, diệt hết nên gọi là diệt. Tất cả đệ nhất nên gọi là diệu, vượt qua sanh tử nên gọi là ly. Đạo trở xuống bốn hạnh tức đạo chánh tích thừa. Đến được Niết-bàn nên gọi là Đạo, chẳng phải pháp điền đảo nên gọi là Chánh, chỗ bậc Thánh đi nên gọi là Tích, (chở) đến ba thoát nên gọi là thừa, tên kinh luận mới hơi khác với đây. Xưa nói không thì mới nói Bất tịnh. Xưa nói tận thì mới nói tịnh, xưa nói chánh thì mới nói như, xưa nói tích thì mới nói hạnh, xưa nói thừa thì mới nói xuất. Các tên kia đều đồng, đại ý rất dễ thấy. Bà-sa chép: Khi khổ cũng thấy vô thường, không, vô ngã, vì sao chỉ nói khổ. Đáp: Cũng phải nói thấy vô thường v.v... Chẳng nói là vì có nghĩa khác. Lại nữa nếu nói khổ tức là nói các thứ kia, lại nữa, khổ chỉ ở khổ, còn vô thường ở khắp ba đế, không và

vô ngã thì chung tất cả pháp. Ba đế kia trở xuống là hành tướng đều có phân biệt cũng như thế. Bốn hoàng trở xuống là hành pháp nhập giả, mười tám pháp Bất cộng thấp nhất là trợ đạo. Nay chỉ đối đương mà thôi. Đã đối chín pháp, chín pháp dư chín pháp gọi là Vô dị tướng, đều là Định tâm, đều là Tri dĩ xả, đều là chỉ nhiếp. Dục tinh tấn niệm tuệ giải thoát giải thoát tri kiến không giảm, đều phải quán nhiếp ba Tam- muội, ba giải thoát, đến quyển bảy sẽ nói. Sáu độ như tùy tự ý và nói trong trợ đạo. Cho đến trở xuống là hành pháp nhập trung. Chín thứ Đại thiên đều ở Địa trì, trong pháp giới thứ lớp đã lược giải thích. Y theo đó mà nêu danh số, một tự tánh thiên ở Văn tự trước một tâm tu Chỉ Quán, hoặc pháp đồng loại với Chỉ Quán.